

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 08 năm 2024
(V/V: Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tường – Bà Phan Thị Quế

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 333/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXX-ST ngày 01/08/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2024/QĐ-HPT ngày 15 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Văn C – sinh ngày 24/01/1987. (Có mặt)

Trú tại: xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T - sinh ngày 09/12/1989.

Nơi ĐKKHKT: xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Hiện trú tại: xóm H, xã Q, huyện Y, Nghệ An.

(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

Anh Đặng Văn C và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn ngày 21/02/2011 tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trước khi tiến tới hôn nhân anh C và chị T có quá trình tìm hiểu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên

nhân mâu thuẫn là do anh C và chị T tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. C1 sống không hòa thuận, cuộc sống thường xảy ra cãi vã nhau. Sự việc xảy ra thường xuyên, tuy đã được hai gia đình nội ngoại và Ban xóm hoà giải nhưng không đem lại kết quả gì. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Đến cuối năm 2021 chị T đã bỏ về ngoại ở xã Q, huyện Y để sinh sống, anh C và chị T đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại anh C xác định không còn tình cảm với chị T nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với chị T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có với nhau 04 con chung là: Đặng Trần Hưng Đ – giới tính: Nam – sinh ngày 23/06/2014; Đặng Trâm A – giới tính: Nữ – sinh ngày 20/04/2018; Đặng Thị Quỳnh A1 – giới tính: Nữ – sinh ngày 16/07/2011; Đặng Bảo K – giới tính: Nam – sinh ngày 21/10/2016. Hiện tại con chung đang ở với chị T. Ly hôn anh C có nguyện vọng giao cả 04 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 1.200.000đ/1 con chung/tháng(04 con chung là 4.800.000 đồng/tháng) cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản: Anh Đặng Văn C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trần Thị T sau khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu chị có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án. Chị Trần Thị T có đến Tòa án một lần, tuy nhiên do không đồng ý ly hôn nên chị không hợp tác để làm việc, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến trình bày của chị trong quá trình hòa giải để lưu tại hồ sơ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do anh Đặng Văn C cung cấp, xác minh tình trạng hôn nhân, con chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa anh C, chị T đúng như anh C trình bày .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân, bị đơn có nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú tại; xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nhưng hiện trú tại: xóm H, xã Q, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện qui định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu anh C, chị T có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng chị T không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn anh Đặng Văn C có mặt, bị đơn chị Trần Thị T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét

xử đã quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho anh C, chị T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn anh C có mặt, bị đơn chị T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn chị Trần Thị T.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa anh Đặng Văn C và chị Trần Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi cưới, ngày 21/02/2011 anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Y, tỉnh Nghệ An, qua đó thấy hôn nhân giữa anh C và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, sống thiếu niềm tin đối với nhau, dẫn đến hôn nhân đổ vỡ, các bên sống ly thân từ cuối năm 2021. Quá trình sống ly thân anh C, chị T đã không liên lạc với nhau, không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh C và chị T thực sự đổ vỡ, tan rã, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đặng Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đặng Văn C được ly hôn chị Trần Thị T.

[2] Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt về nhiều mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Hơn nữa tại phiên tòa anh C trình bày trong thời gian sống ly thân con chung được chị T và ông bà ngoại chăm sóc nuôi dưỡng, anh không muốn thay đổi hay làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của con, anh đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là sự tự nguyện, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi con chung, phù hợp với nguyện vọng con chung, do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của anh Đặng Văn C.

-Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T trực tiếp nuôi con chung, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.200.000đ/1 con chung/tháng(04 con chung là 4.800.000 đồng/tháng) cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là thể người bố có trách nhiệm cao đối với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của anh C.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Đặng Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Buộc anh Đặng Văn C phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Anh Đặng Văn C được ly hôn chị Trần Thị T.

2. Về quan hệ con chung, giao: Đặng Trần Hưng Đ – giới tính: Nam – sinh ngày 23/06/2014; Đặng Trâm A – giới tính: Nữ – sinh ngày 20/04/2018; Đặng Thị Quỳnh A1 – giới tính: Nữ – sinh ngày 16/07/2011; Đặng Bảo K – giới tính: Nam – sinh ngày 21/10/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của anh Đặng Văn C như sau:

Anh Đặng Văn C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị T mỗi tháng 1.200.000đ/1 con chung/tháng(04 con chung là 4.800.000 đồng/tháng) kể từ tháng 09/2024 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trần Thị T làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu anh Đặng Văn C không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Đặng Văn C người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Anh Đặng Văn C nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Án phí anh C phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0002922 ngày 05/07/2024, anh C còn phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn

đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKS H.Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H.Y
- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh Nghệ An
- UBND xã Q (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Công Hưng